

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Tấn Đạt;

Ông Trần Thành Luyện;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 162/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Tuấn A sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Huỳnh Thị M; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 05 tháng 7 năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 23/2013/HS-ST.

Ngày 10 tháng 9 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 27/2013/HS-ST.

Ngày 24 tháng 9 năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 67/2013/HS-ST. Quyết định tổng hợp hình phạt số 01 ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang buộc Trần Tuấn A chấp hành hình

phạt chung là 06 (sáu) năm tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06 tháng 02 năm 2017; về trách nhiệm dân sự, án phí đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 5 năm 2022 cho đến nay.

2. Nguyễn Tấn K sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số x, ấp y, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: khu phố x, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04 tháng 6 năm 2021 cho đến nay.

3. Đỗ Kim D2 sinh năm 1991 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ tên cha) và bà Đỗ Thị Kim Th; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 22 tháng 9 năm 2021 cho đến nay.

4. Lê Văn Q sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Hà Thị Thu H; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam ngày 23 tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

5. Trần Văn Kh sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: khu phố y, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K1 và bà Nguyễn Thị D1; bị cáo có vợ và 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho đến nay.

6. Lê Đức Đ sinh năm 1994 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Đ và bà Phạm Thị Xuân H (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 29 tháng 10 năm 2022 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Tuấn A:* Bà Hồ Thị Kim Ng là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tấn K:* Ông Võ Duy Kh2 là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đỗ Kim D2:* Ông Đặng Hoàng N là Luật sư Công ty Luật TNHH N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương có đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Văn Q:* Ông Cao Văn V là Luật sư Văn phòng Luật sư N N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có bài phát biểu bào chữa kèm đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn Kh:* Ông Nguyễn Thành Nh là Luật sư Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Đức Đ:* Bà Lê Thị L1, là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương có đơn xin vắng mặt được bị cáo chấp nhận.

- *Bị hại:* Công ty TNHH T (T); địa chỉ: Lô C, đường C, khu công nghiệp M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông R, sinh năm 1983; chức vụ: Giám đốc Công ty; địa chỉ: phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ L, địa chỉ: Đường N, Phường z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Tô Hoàng N, chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ L: Ông Võ Ngọc Thiên H, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường K, Phường y, Quận n, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản uỷ quyền ngày 14/12/2023; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ L: Ông Trần Bá H, là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Trương Văn Đ sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: khu phố x, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Mạnh T sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn S, xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quý H sinh năm 1996; nơi cư trú: xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1981, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ trụ sở chính: khu công nghiệp V, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, địa điểm kinh doanh

nhà máy tại khu công nghiệp M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngành nghề kinh doanh: sản xuất, gia công sản xuất thiết bị điện, phụ kiện sử dụng điện, dụng cụ cầm tay sử dụng điện, thiết bị điện sử dụng ngoài trời, các sản phẩm và thiết bị sử dụng cho sàn nhà, dụng cụ sử dụng điện, thiết bị chiếu sáng, dụng cụ đo lường, dụng cụ cầm tay không sử dụng điện, máy bơm và dụng cụ, phụ kiện và thiết bị tương tự khác.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ L (sau đây gọi tắt là Công ty L), địa chỉ trụ sở: đường N, Phường z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2019, Công ty T và Công ty L ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ các địa điểm kinh doanh của Công ty T tại thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Trần Tuấn A, Lê Văn Q, Đỗ Kim D2, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ cùng làm công nhân tại nhà máy của Công ty T tại khu công nghiệp M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Tấn K được Công ty L bổ nhiệm làm ca trưởng bảo vệ tại kho của Công ty T.

Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Tuấn A và Trần Văn Kh cùng bàn bạc lấy trộm pin thành phẩm của Công ty T, Kh lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm người mua bán pin thì quen biết với Nguyễn Như Q1 (sinh năm 1990, địa chỉ: khu phố y, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) là người mua bán pin nên cho Tuấn A biết để lấy trộm pin bán. Đến khoảng tháng 4 năm 2021, Tuấn A lấy trộm 03 cục pin Ryobi mã 130615004DG9 tại kho BW4 và đưa cho Kh bán cho Q1 với giá 320.000 đồng (ba trăm hai mươi nghìn đồng)/cục, Q1 trả cho Kh 960.000 đồng (chín trăm sáu mươi nghìn đồng), Tuấn A chia cho Kh 480.000 đồng, sau đó Tuấn A nghỉ việc.

Giá trị tài sản theo kết quả định giá là 2.396.199 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Sau khi nghỉ việc tại Công ty T, do biết được việc quản lý tài sản của Công ty T có nhiều sơ hở nên Tuấn A cấu kết với K lấy trộm pin của Công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, đồng thời Tuấn A còn rủ D2, Q, Đ tham gia lấy trộm pin. Tuấn A phân công nhiệm vụ của các bị cáo như sau: K có nhiệm vụ thông báo cho Tuấn A biết thời điểm công ty không có công nhân làm việc, hỗ trợ cho xe của Tuấn A thuê vào cổng của công ty mà không cần phiếu xuất kho theo quy định của công ty và tắt hệ thống camera an ninh để tránh sự phát hiện của công ty; Q, D2, Kh, Đ trực tiếp đi vào công ty lấy pin đưa lên xe ô tô tải để vận chuyển ra bên ngoài giao cho Tuấn A; Kh mang đi bán cho Q1 lấy tiền và chia cho các bị cáo. Với cách thức thủ đoạn nêu trên, từ ngày 23 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021, các bị cáo đã thực hiện 05 lần lấy trộm tài sản của Công ty T cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 04 giờ ngày 23 tháng 4 năm 2021, Tuấn A và D2 đi xe mô tô vào Công ty T do K hỗ trợ vào cổng. Tuấn A và D2 đi vào kho BW4 lấy trộm 02 thùng pin Ryobi (100 cục), gồm 40 cục pin mã 130615009DG9, 20 cục pin mã 130615005DG9, 20 cục mã 130615004DG9, 20 cục mã 130615007DG9 sau đó

Tuấn A cùng với Trần Văn Kh mang bán cho Nguyễn Như Q1 được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Tuấn A chia cho Kh 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), D2 1.000.000 đồng (một triệu đồng), K 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Trị tài sản chiếm đoạt theo kết quả định giá là: 99.215.580 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Lần thứ hai:

Vào khoảng 20 giờ ngày 25 tháng 4 năm 2021, Tuấn A thuê xe ô tô tải (không nhớ rõ tài xế và biển số xe) và phân công Kh, D2 vào Công ty T lấy trộm pin. Sau khi được K đưa vào cổng, Kh, D2 đi vào kho BW6 lấy 04 palet pin thành phẩm, 210 thùng pin, tổng số 420 cục mã 000996005DG9 và 420 cục pin mã 000996002DG9. Sau khi đưa pin ra khỏi công ty, Tuấn A và Kh chở đi bán cho Q1 được tổng số tiền 252.000.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu đồng). Tuấn A chia cho Kh 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), D2 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), K 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là: 1.237.136.880 đồng (một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ ba:

Vào khoảng 20 giờ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Kh bàn bạc với K vào Công ty T lấy trộm pin nhưng không cho Tuấn A biết. Kh thuê xe ô tô tải (không rõ tài xế và biển số) và rủ Đỗ Kim D2 cùng đi vào Công ty T, các bị cáo đi vào khu vực kho BW4 lấy 03 thùng pin có 122 cục pin, gồm: 42 cục mã 130615004DG9, 40 cục mã 130615005DG9, 40 cục mã 130615009DG9. Kh đưa đi bán cho Q1 được 35.200.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), Kh chia cho D2 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), K 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do nợ tiền của Trần Tuấn A nên Kh bỏ trốn.

Giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là 113.426.096 đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Lần thứ tư:

Vào khoảng 20 giờ ngày 23 tháng 5 năm 2021, Trần Tuấn A gọi điện thoại cho Nguyễn Tấn K nói là sẽ vào Công ty T lấy trộm pin. Sau đó, Tuấn A thuê xe ô tô tải biển số 51D-241.20 của Trương Văn Đ (sinh năm 1993, nơi cư trú: xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá); Tuấn A nói với Trương Văn Đ là vào công ty để chở hàng nên Trương Văn Đ đồng ý và Tuấn A phân công D2, Q vào công ty cùng với xe ô tô tải của Trương Văn Đ. Các bị cáo vào kho BW8 lấy 808 cục pin mã 000996002DG9 và 608 cục pin mã 000996013DG9. Tuấn A đưa pin bán cho Q1 được 354.000.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu đồng). Tuấn A chia cho D2 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), K 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), Q 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 3.162.000.056 đồng (ba tỷ một trăm sáu mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu đồng).

Lần thứ năm:

Vào khoảng 21 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2021, Tuấn A và K tiếp tục bàn bạc để lấy trộm pin. Tuấn A tiếp tục thuê xe ô tô tải biển số 51D-241.20 của Trương Văn Đ và phân công Q, Đ đi vào công ty cùng với xe ô tô tải của Trương Văn Đ. Các bị cáo đi vào kho BW3 lấy 04 palet pin có 76.800 cell pin và vận chuyển đến kiot do Tuấn A thuê tại khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương để cất giữ. Sau đó, các bị cáo tiếp tục vào công ty tại vị trí kho BW3 lấy 437 thùng pin có 1.748 cục pin mã 000996002DG9. Khi các bị cáo lấy trộm pin thì K đi đến phòng IT (phòng công nghệ thông tin) và kho BW7 rút dây nguồn điện hệ thống camera của Công ty T để tránh bị phát hiện việc lấy trộm tài sản, sau khi các bị cáo lấy trộm xong thì K mở lại camera. Tuấn A vận chuyển pin bán cho Q1 được 1.501.000.000 đồng (một tỷ năm trăm lẻ một triệu đồng), tiền bán được Tuấn A chia cho Q 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), K 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), Đ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Đến ngày 02 tháng 6 năm 2021, Công ty T phát hiện K tắt điện hệ thống camera và kiểm tra kho phát hiện mất trộm tài sản nên trình báo Đoàn Công an Khu công nghiệp Mỹ Phước.

Vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 20, màu đen;
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Kawasaki Z300 biển số 29A1-032.72;
- 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K;
- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A21S;
- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank;
- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Tpbank;
- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng MBbank.

Tại Kết luận định giá tài sản số 262 ngày 18 tháng 01 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương kết luận: 76.800 cục pin sạc Lion tại thời điểm ngày 30/5/2021 có giá là 1.728.614.000 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

1.748 cục pin có mã 000996002DG9 theo kết luận định giá có giá là 2.700.273.692 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

Giá trị tài sản chiếm đoạt của lần thứ năm là 4.428.887.692 đồng (bốn tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.043.062.503 đồng (chín tỷ bốn mươi ba triệu sáu mươi hai nghìn năm trăm lẻ ba đồng).

Quá trình điều tra, Công ty T trình báo mất trộm tài sản với giá trị 19.038.508.530 đồng (mười chín tỷ không trăm ba mươi tám triệu năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm ba mươi đồng). Tuy nhiên, Công ty T không cung cấp được thời gian mất trộm, số lượng, đặc điểm hàng hóa cũng như việc quản lý xuất, nhập kho của công ty cho Cơ quan điều tra nên chưa đủ căn cứ để xác định công ty bị thiệt hại số tiền trên.

Tại Cáo trạng số 175/CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Đỗ Kim D2, Lê Văn Q, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội thống nhất như cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, xác định các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Lê Văn Q, Đỗ Kim D2, Trần Văn Kh thực hiện hành vi “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Lê Văn Q, Đỗ Kim D2, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ sau phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn Q, Đỗ Kim D2 đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn K từ 14 (mười bốn) năm đến 15 (mười lăm) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Kh từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 14 (mười bốn) năm đến 15 (mười lăm) năm tù.

Xử phạt bị cáo Đỗ Kim D2 từ 13 (mười ba) năm đến 14 (mười bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Đức Đ từ 13 (mười ba) năm đến 14 (mười bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty T có văn bản không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà sẽ khởi kiện vụ kiện khác, đây là sự tự nguyện của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 20 màu đen; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Kawasaki Z300 biển số 29A1-032.72 và 01 (một) sợi dây chuyền vàng loại vàng 61% là tài sản của Nguyễn Tấn K có được do phạm tội mà có; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A21S của Trần Tuấn A sử dụng làm công cụ phạm tội.

Trả lại 01 (một) thẻ ATM Sacombank, 01 (một) thẻ ATM TPbank, 01 (một) thẻ ATM MBbank cho Trần Tuấn A.

Trả cho Công ty L số tiền 202.000.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu) đồng tiền đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Tấn K.

Đối với ông Nguyễn Như Q1 (đã thực hiện hành vi mua tài sản của các bị cáo chiếm đoạt của Công ty T), đã chết ngày 01 tháng 10 năm 2022 nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với ông Trương Văn Đ được Trần Tuấn A thuê chở pin lấy trộm của Công ty T, xét thấy ông Trương Văn Đ không biết pin do Tuấn A và đồng phạm lấy trộm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với các bảo vệ chung ca trực với Nguyễn Tấn K, xét thấy những người này thực hiện theo sự chỉ huy của K, không biết K cấu kết với Trần Tuấn A và các đồng phạm lấy trộm tài sản của Công ty T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn K: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải; phía Công ty L đã nộp thay cho bị cáo số tiền 202.000.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu đồng) khắc phục hậu quả cho Công ty T nên đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Kim D2: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc

bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Q: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Kh: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già, các con còn nhỏ. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Đức Đ: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội, xác định bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là nặng, mong Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: hiện tại Công ty L đã nhận được thông báo của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã chi trả tiền thiệt hại của vụ án và Công ty L bị công ty bảo hiểm kiện để đòi lại tiền đã bồi thường cho bị hại, đồng thời bị hại đã có văn bản đề nghị không giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với số tiền 202.000.000 đồng mà Công ty L đã nộp khắc phục cho bị cáo Nguyễn Tấn K, nay Công ty L không đồng ý nộp khắc phục cho bị cáo K nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền này cho Công ty L.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo đều có đơn xin vắng mặt (người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Kim D2, Lê Văn Q có gửi bài bào chữa kèm đơn xin vắng mặt) và được các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa ngày 22 tháng 02 năm 2024, những người bào chữa đã trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo đồng ý nội dung bào chữa và không bổ sung thêm nội dung nào khác, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 291, 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp tài liệu chứng cứ thu giữ được trong vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: do cần tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng việc quản lý tài sản của Công ty T có nhiều sở hữu nên từ khoảng tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021, Trần Tuấn A cấu kết với Nguyễn Tấn K, Lê Văn Q, Đỗ Kim D2, Trần Văn Kh lén lút lấy trộm tài sản là pin của Công ty T nhiều lần, Lê Đức Đ lén lút lấy trộm tài sản là pin của Công ty T một lần với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.043.062.503 đồng (chín tỷ không trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm lẻ ba đồng), trong đó:

Nguyễn Tấn K là ca trưởng bảo vệ của Công ty L, có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của Công ty T nhưng lại tham gia giúp sức cho Trần Tuấn A, Trần Văn Kh lấy trộm tài sản của Công ty T 05 lần, giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.040.666.304 đồng (chín tỷ không trăm bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Trần Văn Kh tham gia thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của Công ty T 04 lần, giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.452.174.755 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi bảy bốn nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Đỗ Kim D2 tham gia thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của Công ty T 04 lần, giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.611.778.612 đồng (bốn tỷ sáu trăm mười một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười hai đồng).

Lê Văn Q tham gia thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của Công ty T 02 lần, giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.590.887.748 đồng (bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Lê Đức Đ tham gia thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của Công ty T 01 lần, giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.428.887.692 đồng (bốn tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là trái pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Trần Tuấn A với vai trò là người chủ mưu, cấu kết với Nguyễn Tấn K, Lê Văn Q, Đỗ Kim D2, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ thực hiện 06 lần lấy trộm tài sản là pin của Công ty T với tổng giá trị tài sản là 9.043.062.503 đồng nên vai trò, tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo Trần Tuấn A là cao nhất.

Bị cáo Nguyễn Tấn K là ca trưởng bảo vệ của Công ty L, có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của Công ty T nhưng lại tham gia giúp sức cho bị cáo Trần Tuấn A, Trần Văn Kh lấy trộm tài sản 05 lần giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.040.666.304 đồng; bị cáo Lê Văn Q trực tiếp tham gia thực hiện 02 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.590.887.748 đồng nên vai trò, tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của hai bị cáo là ngang nhau và thấp hơn bị cáo Trần Tuấn A.

Bị cáo Đỗ Kim D2 trực tiếp tham gia thực hiện 04 lần giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.611.778.612 đồng, bị cáo Lê Đức Đ trực tiếp tham gia thực hiện 01 lần giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.428.887.692 đồng nên vai trò, tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của hai bị cáo là ngang nhau và thấp hơn bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Lê Văn Q.

Bị cáo Trần Văn Kh cùng trực tiếp tham gia thực hiện 04 lần với các đồng phạm nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.452.174.755 đồng nên vai trò, tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo là thấp nhất.

Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng, đảm bảo sự răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Trần Văn Kh, Đỗ Kim D2, Lê Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hai lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Đỗ Kim D2 và Lê Văn Q đầu thú, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp. Quan điểm đề nghị không giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án là phù hợp.

[9] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ, riêng người bào chữa cho bị cáo K đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ của bị cáo K quy định điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Người bào chữa cho các bị cáo nghị xem xét lại mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo và đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ.

Ông Trương Văn Đ được Trần Tuấn A thuê chở pin lấy trộm của Công ty T, xét thấy Trương Văn Đ không biết pin do Tuấn A và đồng phạm lấy trộm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Các bảo vệ chung ca trực với Nguyễn Tấn K, xét thấy những người này thực hiện theo sự chỉ huy của K, không biết K cấu kết với Trần Tuấn A và các đồng phạm lấy trộm tài sản của Công ty T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Như Q1 tham gia mua tài sản của các bị cáo nhưng đã chết ngày 01 tháng 10 năm 2022 nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của Công ty T là 9.043.062.503 đồng (chín tỷ không trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm lẻ ba đồng). Xét thấy, ngày 14 tháng 3 năm 2024, bị hại Công ty T có văn bản không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà sẽ khởi kiện vụ kiện khác, đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 20 màu đen; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Kawasaki Z300 biển số 29A1-032.72 và 01 (một) sợi dây chuyền vàng là tài sản của Nguyễn Tấn K có được do phạm tội mà có; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A21S của bị cáo Trần Tuấn A sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 (một) thẻ ATM Sacombank, 01 (một) thẻ ATM TPbank, 01 (một) thẻ ATM MBbank là tư vật của bị cáo Trần Tuấn A không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[12] Do phân trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu giải quyết trong vụ án và Công ty bảo vệ Long Hải có yêu cầu nhận lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo K nên trả cho Công ty bảo vệ Long Hải số tiền 202.000.000 đồng đã nộp.

[13] Tại phiên tòa ngày 22 tháng 02 năm 2024, bị cáo Nguyễn Tấn K khai trong tài khoản của mình mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương còn tiền nhưng không xác định được. Ngày 07 tháng 3 năm 2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Lệnh phong tỏa số 225/LPT-CSHS phong tỏa tài khoản của bị can Nguyễn Tấn K sinh năm 2000, số CCCD: 079200019228 số tiền 27.972.955 đồng trong tài khoản số 1013081699 và Lệnh phong tỏa số 226/LPT-CSHS phong tỏa tài khoản của bị can Nguyễn Tấn K sinh năm 2000, số CCCD: 079200019228 số tiền 19.004.049 đồng trong tài khoản số 1021306057. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xác định đây là tiền của bị cáo không liên quan đến tội phạm. Tuy nhiên, cần tiếp tục phong tỏa các tài khoản trên của bị cáo Nguyễn Tấn K để đảm bảo việc thi hành án.

[14] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Đỗ Kim D2, Lê Văn Q, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 5 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn K 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Kh 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 01 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Đỗ Kim D2 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2021.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Đức Đ 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Tách phần trách nhiệm dân sự ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu trắng, số IMEI 1: 3516612191819, số IMEI 2: 35246521291810 (tình trạng máy cũ đã qua sử dụng, màn hình máy bị nứt, không có sim, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

01 (một) sợi dây chuyền vàng có in hình rồng đính kèm 01 (một) mặt dây chuyền hình rồng, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 18 chỉ 7 phân lẻ 01.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 20 màu đen, máy không khởi động được nên không kiểm tra được số IMEI (tình trạng máy cũ đã qua sử dụng, máy bị bung nắp lưng, không có sim, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Kawasaki, số loại Z300, dung tích xylanh 296m³, biển kiểm soát 29A1-032.72, có số khung nguyên thủy: JKAER300ABDA17338, số máy nguyên thủy: EX300AEA96175 (tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu, không có chìa khóa, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank tên TRAN TUAN A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MBbank tên TRAN TUAN A; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPbank tên TRAN TUAN A.

Trả cho Công ty bảo vệ Long Hải số tiền 202.000.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu đồng).

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 09 tháng 11 năm 2023; Phiếu nhập kho ngày 24 tháng 11 năm 2023; Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa số 225/LPT-CSHS và Lệnh phong tỏa số 226/LPT-CSHS ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Tấn K, Đỗ Kim D2, Lê Văn Q, Trần Văn Kh, Lê Đức Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.